

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2407/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước
tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 813/TTr-SNV ngày 27 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh) giúp UBND tỉnh đôn đốc, theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Ban Tuyên giáo tỉnh ủy;
- Thành viên Ban chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Sơn La;
- Lưu: VT, KSTTHC, LX (10b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

10/10/10





KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030 (Kèm theo Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) nhà nước giai đoạn 2021- 2030, UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU CHUNG

Xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, thường xuyên; CCHC nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030 tập trung tiếp tục xây dựng chính quyền thân thiện, dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng giải trình; thực hiện quản trị nhà nước theo mô hình hiện đại; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, lấy sự hài lòng cao nhất của người dân, doanh nghiệp là mục tiêu phục vụ; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số; qua đó, nhằm tập trung thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh, bền vững và toàn diện của Tỉnh trong giai đoạn tới.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Trọng tâm CCHC 10 năm tới là: Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của tỉnh, trong đó, chú trọng tổ chức thực hiện có hiệu quả việc cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu

- Tiếp tục bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về ưu đãi, hỗ trợ, thu hút đầu tư, để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính quyền số, tập trung vào các lĩnh vực: đất

đại, đầu tư, xây dựng, môi trường, tài chính ngân sách, khám chữa bệnh, hộ tịch, phòng cháy chữa cháy... tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội.

- Đến năm 2025:

+ Phần đầu 100% văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương được cụ thể hóa hoặc triển khai kịp thời; 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của tỉnh được rà soát, sửa đổi, bổ sung, phù hợp với quy định của Trung ương, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ 100% văn bản QPPL phát hiện sai phạm qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý; 100% văn bản QPPL được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà soát

+ Phần đầu 100% các văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

- Đến năm 2030:

Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Nhiệm vụ chung

- Đẩy mạnh việc xây dựng các thể chế về hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, cần ưu tiên nguồn lực thực hiện để tạo sự lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách pháp luật về quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, chú trọng thể chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi các văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là nâng cao chất lượng công tác xây dựng các văn bản QPPL nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, cũng như trong việc phản biện và giám sát thi hành pháp luật để bảo đảm tính minh bạch, tính nhất quán, ổn định và dự đoán được của pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật. Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Mục tiêu

Rà soát, đề xuất cắt giảm thời gian và nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là TTHC liên quan tới người dân, doanh nghiệp; lựa chọn những vấn đề, TTHC cần cắt giảm về quy trình và bảo đảm cắt giảm ít nhất 25% thời gian giải quyết so với quy định; tối ưu hóa quy trình giải quyết TTHC trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Đến năm 2025

+ Đề xuất với cơ quan có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa số quy định và cắt giảm chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020 (*theo kế hoạch của Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành*).

+ Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

+ 80% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

+ 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Đến năm 2030:

+ 100% TTHC, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ Tối thiểu 90% TTHC của địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4; đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

+ 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

b) Nhiệm vụ chung

- Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, định hướng về cải cách TTHC của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Ngành Trung ương; kiểm soát chặt chẽ việc công bố TTHC và ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định.

- Rà soát, thống kê, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất. Tổ chức triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo từng giai đoạn.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Triển khai có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC.

- Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện việc phân cấp giải quyết TTHC theo Đề án của Chính phủ.

- Đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC, thông qua tăng cường đối thoại, lắng ý kiến người dân, doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, định rõ việc của cơ quan hành chính nhà nước; tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Đến năm 2025:

+ Bảo đảm các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh có cơ cấu bên trong

đúng quy định theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; các cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện đúng quy định theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, cấp huyện không vượt so với quy định.

+ Tiếp tục phấn đấu giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh so với năm 2021.

+ Tiếp tục phấn đấu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ Tiếp tục rà soát, thực hiện sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

+ 100% cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh hoàn thành việc bố trí, sắp xếp kiện toàn số lượng cấp phó của cơ quan, đơn vị bảo đảm theo đúng quy định của Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng giảm hợp lý đầu mối các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; giảm mạnh đầu mối các tổ chức trung gian, giảm cơ cấu bên trong theo quy định.

+ Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

+ Tiếp tục thực hiện việc giảm đầu mối, phấn đấu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu như: y tế, trường mầm non, mẫu giáo, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, bảo trợ xã hội và chăm sóc người có công...

+ Tiếp tục phấn đấu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

+ Tiếp tục rà soát, thực hiện sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

+ Tiếp tục chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

b) Nhiệm vụ chung

- Rà soát, tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. Rà soát, sắp xếp giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan,

đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật. Thực hiện sắp xếp, sáp nhập bản, tiểu khu, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của bản, tiểu khu, tổ dân phố.

- Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hoá các dịch vụ công ở những nơi có đủ điều kiện, nhất là ở các khu đô thị; tăng cường giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước. Khuyến khích thành lập các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, khoa học và công nghệ.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa 03 cấp chính quyền, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu

- Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Đến năm 2025: xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Đến năm 2030:

+ Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

+ 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

b) Nhiệm vụ chung

- Tiếp tục đổi mới, triển khai thực hiện các quy định mới nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức, viên chức phù hợp với cơ cấu và vị trí việc làm; thi nâng ngạch công chức theo nguyên tắc cạnh tranh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tổ chức thi tuyển, nâng ngạch; tiếp tục triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Thực hiện đúng quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, tiêu chuẩn, điều kiện, chính sách để giảm tỉ lệ người phục vụ trong từng cơ quan, nhất là khối văn phòng.

- Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Tổ chức triển khai đúng quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương. Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đẩy mạnh tự chủ.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.

- Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết thực hiện nhiệm vụ gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm.

- Xây dựng cơ chế đủ mạnh để cương quyết thay thế kịp thời đối với những cán bộ, công chức, viên chức không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; có cơ chế lương, thưởng, khuyến khích, thu hút những người có trình độ chuyên môn và tay nghề cao; đẩy mạnh việc luân chuyển cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện, từ cấp huyện đến cấp xã và ngược lại.

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đẩy mạnh tự chủ.

- Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

- Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc thu hút, trọng dụng nhân tài.

5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ

quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

- Đến năm 2025: có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Đến năm 2030: tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021-2025.

b) Nhiệm vụ chung

- Triển khai có hiệu quả Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước.

- Từng bước rà soát, cơ cấu lại thu, chi ngân sách của tỉnh theo hướng bền vững, tăng thu từ khu vực sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh các giải pháp quản lý, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài sản công, tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tiết kiệm chi thường xuyên, tập trung nguồn lực cho chi đầu tư phát triển; thực hiện tốt quy định về quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí.

- Đẩy mạnh giao quyền tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường.

- Đẩy mạnh xã hội hóa một số loại dịch vụ công như: vệ sinh công cộng, vệ sinh đô thị, cấp, thoát nước, cây xanh, công viên, ánh sáng... Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ...

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Mục tiêu

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

- Đến năm 2025:

+ 100% Công dịch vụ công của tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó; 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp Chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

+ 100% Hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

+ Triển khai Trung tâm điều hành thông minh tỉnh; triển khai Hệ thống phòng họp không giấy (e-Cabinet) trên địa bàn tỉnh. Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến UBND tỉnh, UBND cấp huyện: 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của UBND.

+ 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

+ Trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; trên 80% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

+ 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ 100% các cơ quan, địa phương hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực.

- Đến năm 2030:

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật*).

+ Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

+ Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật, kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% TTHC; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

+ 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

b) Nhiệm vụ chung

- Hoàn thiện môi trường pháp lý:

+ Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính quyền số các cấp.

+ Ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.

- Phát triển hạ tầng số:

+ Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tại tỉnh.

+ Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tại tỉnh.

+ Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

+ Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh của tỉnh.

- Phát triển nền tảng và hệ thống số:

+ Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

+ Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi toàn tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...

+ Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Phát triển dữ liệu số:

+ Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ tỉnh; thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của tỉnh với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

+ Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của tỉnh, phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, tiến tới triển khai phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp.

+ Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; kết nối, tích hợp theo thời gian thực với các Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

+ Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh giao; kết nối, liên thông với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

+ Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

+ Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài địa phương theo nhu cầu.

+ Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

+ Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.

+ Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+ Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công của tỉnh, hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

+ Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các

phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xây dựng, phát triển đô thị thông minh:

+ Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như giám sát giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

+ Lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh để triển khai thử nghiệm một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; kịp thời sơ kết đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

Nội dung các hoạt động cụ thể (có Phụ lục kèm theo).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai CCHC từ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đến các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã

Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực CCHC của tỉnh và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC trong giai đoạn 2021-2030. Phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC để bảo đảm chương trình được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình trong phạm vi quản lý của mình; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong CCHC.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung CCHC của Đảng, Nhà nước với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với tình hình thực tiễn một cách thường xuyên, liên tục. Tăng cường sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

Tiếp tục sử dụng các biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính, như: tăng

cường lấy ý kiến, khảo sát sự hài lòng của người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá ý thức, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước... Tiếp tục đưa các nội dung CCHC vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh

3. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho CCHC

Huy động và bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Nâng cao năng lực nghiên cứu và công tác tham mưu, đề xuất chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp UBND tỉnh và UBND các cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, địa phương. Ưu tiên bố trí đủ nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân.

Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng chính sách lương, thưởng thoả đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; thực hành dân chủ trong CCHC; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện CCHC.

5. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong đánh giá.

Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý nhà nước khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan

hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho chính quyền các cấp ở địa phương.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021-2030 được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, gồm: Ngân sách Trung ương (nếu có), ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã và các nguồn khác theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Tài chính.

2. Hàng năm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố

a) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền về Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch của tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, căn cứ vào điều kiện, yêu cầu thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 10 năm (2021-2030) để tổ chức thực hiện. Kế hoạch CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương phải được xây dựng trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC được giao tại Kế hoạch này.

b) Lập dự toán kinh phí để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ CCHC đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

c) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả công tác CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về cơ quan thường trực CCHC của tỉnh (Sở Nội vụ) tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

d) Các sở, ban, ngành chủ trì các hoạt động được nêu trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai theo quy định.

2. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Chủ trì triển khai các nội dung tham mưu cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ; trình Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cụ thể hóa thành Kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh; hướng dẫn các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch CCHC hằng năm.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; phối hợp với các cơ quan, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch CCHC tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030; triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ.

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các đề án thí điểm CCHC do các sở, cơ quan ngang sở, UBND các cấp xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh xây dựng báo cáo CCHC hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Kế hoạch.

e) Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan giúp Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện CCHC của các cơ quan, địa phương; trong đó, có các mô hình, cách làm mới về CCHC với mục tiêu xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân.

g) Triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của Chính phủ và giúp Chủ tịch UBND đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

h) Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

i) Hằng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC ở các các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

k) Đến năm 2025 tiến hành sơ kết, đến năm 2030 tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch CCHC của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030.

3. Sở Tư pháp

a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai nội dung cải cách thể chế.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

c) Chủ trì triển khai có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách TTHC; cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC; thực hiện kiểm tra công tác kiểm soát TTHC theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND, Chủ tịch UBND giao.

c) Nghiên cứu những mô hình mới, cách làm hay trong cải cách TTHC để báo cáo UBND tỉnh xem xét, triển khai nhân rộng.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan thường trực về CCHC và các sở, ban, ngành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Hàng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) tỉnh Sơn La.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí từ ngân sách địa phương cho các đề án, dự án trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm về CCHC của các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh.

c) Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Hàng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Sơn La.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì triển khai nội dung phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

b) Tham mưu chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030.

c) Chủ trì đôn đốc các sở, ngành, địa phương trong việc đổi mới lề lối,

phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; điều hành dựa trên dữ liệu số; tích hợp hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

d) Hàng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số về độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT-TT (ICT Index) tỉnh; Chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).

8. Sở Y tế

a) Chủ trì nhiệm vụ tổ chức, quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

b) Chủ trì thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo hướng dẫn của Bộ Y tế; thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì nhiệm vụ tổ chức, quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Chủ trì thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì nhiệm vụ đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

b) Chủ trì triển khai thực hiện chương trình cải cách chính sách tiền lương đối với người lao động trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công; phối hợp với Sở Nội vụ triển khai cải cách chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thực hiện cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

12. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách xã hội hóa hiện hành, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương đề xuất, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL hiện hành để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với điều kiện của tỉnh. Xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.

13. Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Điện lực tỉnh

a) Thực hiện tốt công tác CCHC tại cơ quan. Chú trọng cải cách TTHC, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan.

b) Nâng cao trách nhiệm phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan. Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện và cấp xã đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

c) Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong giải quyết TTHC, nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

14. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, các cơ quan thông tin, báo chí Trung ương đặt tại địa phương, Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị: xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC để tuyên truyền Chương trình CCHC và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố./.



Phụ lục
DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021-2030
Kiểm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ/Hoạt động cụ thể	Kết quả/ Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Kinh phí
I	CÁI CÁCH THỂ CHẾ					
1	Rà soát, xây dựng bổ sung các cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư tạo động lực cho tăng trưởng, phát triển	Nghị quyết Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Ngân sách tỉnh
2	Xây dựng quy trình, trình tự, nội dung triển khai, thực hiện các dự án có sử dụng đất	Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.	Năm 2021	Ngân sách tỉnh
3	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, xử lý và rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL hàng năm	- Kế hoạch - Báo cáo	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.	Tháng 1 hàng năm	Ngân sách tỉnh
4	Công bố văn bản QPPL hết hiệu lực hàng năm	Quyết định	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Tháng 1 hàng năm	Ngân sách tỉnh
5	Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL; thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản QPPL đảm bảo phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành của địa phương; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	- Các văn bản quy phạm pháp luật - Các báo cáo thẩm định, báo cáo tiếp thu - Các văn bản xin ý kiến..	Các sở, ban, ngành	- Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Thường xuyên	Ngân sách tỉnh
6	Cập nhật văn bản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Cập nhật kịp thời đầy đủ các văn	Sở Tư pháp	Trung tâm thông tin, Văn phòng	Sau khi HĐND,	Ngân sách tỉnh

		bản QPPL của UBND, UBND tỉnh trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật		UBND tỉnh; Trung tâm lưu trữ lịch sử, Sở Nội vụ	UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL	
7	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Tháng 1 hàng năm	
8	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Tháng 1 hàng năm	
II CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH						
1	Xây dựng ban hành Quyết định quy định quy chế phối hợp trong quản lý, thẩm định theo dõi các chương trình, dự án theo từng ngành lĩnh vực.	Quyết định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021-2022	Ngân sách tỉnh
2	Kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm	- Kế hoạch - Báo cáo theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý I hàng năm	Ngân sách tỉnh
3	Năm 2021, tổ chức triển khai quy trình số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giải đoạn 2022-2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử	Hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Năm 2021-2025	Ngân sách tỉnh
4	Hoàn thành việc triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Sơn La theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh	Báo cáo theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2025	Ngân sách tỉnh

5	Triển khai thực hiện Đề án “Phân cấp trong giải quyết TTHC” (Sau khi Văn phòng Chính phủ ban hành hướng dẫn)	Kế hoạch Báo cáo theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	
6	Đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC, thông qua tăng cường đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp	- Kế hoạch/Công văn - Báo cáo theo quy định	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
7	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp	Báo cáo theo quy định	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
III CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC						
1	Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thí điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (Sau khi có văn bản của cấp có thẩm quyền)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2024	Ngân sách tỉnh
2	Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án trực thuộc UBND tỉnh	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên	Ngân sách tỉnh
3	Quyết định giao tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ, Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Ngân sách tỉnh
4	Triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập” (Sau khi Bộ Khoa học công nghệ ban hành hướng dẫn)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh
5	Triển khai thực hiện Đề án “Thí điểm thực hiện hợp đồng hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước” (Sau khi Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh
6	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa các cấp ở địa phương	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên	
7	Triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới phương pháp	- Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh

	đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức hành chính dựa trên kết quả” (Sau khi Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn)	- Báo cáo kết quả theo quy định		ngành, UBND các huyện, thành phố			
8	Kế hoạch triển khai Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công” (Sau khi Bộ Y tế ban hành hướng dẫn)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh	
9	Kế hoạch triển khai Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công” (Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh	
10	Rà soát, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường lớp, lớp mầm non, phổ thông đảm bảo tình gọn, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý, giáo viên và người lao động của ngành theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên	Ngân sách tỉnh	
11	Xây dựng, triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	- Quyết định - Kế hoạch - Báo cáo theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên	Ngân sách tỉnh	
12	Xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	- Quyết định - Kế hoạch - Báo cáo theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên	Ngân sách tỉnh	
IV	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ						
	Đề án vị trí việc làm theo Nghị định 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên		
2	Kế hoạch thực hiện hằng năm (từng giai đoạn) thực hiện Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các	Quý I hằng năm	Ngân sách tỉnh	

	2021-2030 trên cơ sở Chiến lược đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn của Bộ Nội vụ	theo quy định	huyện, thành phố		huyện, thành phố	
3	Triển khai thực hiện Đề án "Liên thông trong công tác đánh giá đảng viên và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức" (Sau khi Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh
4	Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài (Sau khi Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn).	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2021	Ngân sách tỉnh
5	Triển khai thực hiện Đề án liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh tiến tới phân định cán bộ, công chức tại địa phương (Sau khi Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn)	- Quyết định - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh
6	Quyết định giao chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, giai đoạn	- Quyết định của UBND tỉnh; - Báo cáo đánh giá kết quả đào tạo; - Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, ...	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành; các đơn vị sự nghiệp; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cơ sở đào tạo.	- Quý IV hàng năm - Báo cáo quý, 6 tháng và năm.	Ngân sách tỉnh
7	Xây dựng quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể	- Quyết định - Công văn - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành; các đơn vị sự nghiệp; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	2022	
8	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND các xã, phường, thị trấn	- Kế hoạch - Quyết định - Báo cáo theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; UBND cấp xã	Thường xuyên	Ngân sách tỉnh
V	CAI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
1	Chuyên đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ	Quyết định của	Sở Nội vụ	Sở Tài chính; các	Thường	Ngân sách tỉnh

	điều kiện sang công ty cổ phần	UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo quy định		sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	xuyên	
2	Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật	Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo quy định	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
3	Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo quy định	Các cơ quan quản lý chuyên ngành theo Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Ngân sách tỉnh
4	Hoàn thiện các quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo quy định	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...	Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo quy định - Nghị Quyết - Quyết định của UBND tỉnh; - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	
6	Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước	Quyết định của UBND tỉnh; báo cáo kết quả theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Thường xuyên	Ngân sách tỉnh

7	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án cụ thể hóa Chiến lược và Kế hoạch hành động; tích hợp các nhiệm vụ, mục tiêu tăng trưởng xanh vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương; cân đối ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện các chương trình, đề án, dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh; định kỳ hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo theo quy định)	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022	
VI	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ					
1	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số tỉnh Sơn La hàng năm	- Quyết định - Kế hoạch - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV hàng năm	Ngân sách tỉnh
2	Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền số của các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La hàng năm	- Quyết định - Kế hoạch - Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV hàng năm	Ngân sách tỉnh
3	Triển khai thực hiện Đề án Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2022 – 2025	Báo cáo kết quả triển khai theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh
4	Ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2025	Ngân sách tỉnh
5	Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022	Ngân sách tỉnh
6	Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP)	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
7	Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2025	Ngân sách tỉnh

	các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số			huyện, thành phố		
8	Xây dựng kho dữ liệu điện tử lưu trữ dữ liệu tổ chức, cá nhân	Cơ sở dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
9	Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp của tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
10	Duy trì, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
11	Duy trì, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
12	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, có tích hợp ký số	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
13	Duy trì, phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
14	Triển khai tích hợp, áp dụng ký số trong các hệ thống thông tin của tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
15	Tạo lập hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
16	Hoàn thiện Công Dịch vụ công của tỉnh, đảm bảo tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh lên công Dịch vụ công quốc gia	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh
17	Xây dựng kênh tương tác trực tuyến giữa người dân và các cơ quan hành chính nhà nước	Báo cáo kết quả theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2022-2025	Ngân sách tỉnh